

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ba**;
2. Ông **Trần Minh Tiến**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Lê Thị Huê H, sinh năm: 1969

HKTT và nơi cư trú: ấp S S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn*: ông Bùi Văn T, sinh năm: 1963

HKTT và nơi cư trú: ấp S S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N.

(Bà H và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lê Thị Huê H trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/12/1990 bà Lê Thị Huê H và ông Bùi Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T, huyện X L, tỉnh Đ N. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè say xỉn kiếm chuyện gây gổ, ghen tuông vô cớ, không quan tâm đến gia đình, tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục nên bà đề nghị Tòa

án giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Bùi Lê Tổ Tr, sinh năm: 1992 và Bùi Lê Phương Tr2, sinh năm: 1997, hiện các con đều đã trưởng thành và có việc làm ổn định tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong hồ sơ, bị đơn ông Bùi Văn T trình bày: Ông T thống nhất với trình bày của bà H về thời gian kết hôn, quá trình hôn nhân.

Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, trong cuộc sống sinh hoạt gia đình thì có đôi khi nhậu với bạn bè nhưng không đến mức say xỉn và giữa vợ chồng cũng có xảy ra ghen tuông. Bản thân ông cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng tuy không còn, nhưng vì lý do tôn giáo và vì con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Bùi Lê Tổ Tr, sinh năm: 1992 và Bùi Lê Phương Tr2, sinh năm: 1997, hiện các con đều đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung theo ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H và ông T ly hôn; về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: bà Hường chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Lê Thị Huê H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn T. Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại ấp S S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh

chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bà H và ông T, nhưng ông bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huê H và ông Bùi Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1990 và đăng ký kết hôn tại UBND xã X T, huyện X L, tỉnh Đ N, theo giấy chứng nhận kết hôn số Rooo-98 ngày 28/12/1990, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H nhận thấy: Theo lời trình bày của bà H thì cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn thường xuyên rượu chè say xỉn, kiêu chuyệ gây gổ, ghen tuông vô cớ, không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng tuy còn chung sống nhưng đã ly thân. Nay do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn T.

Theo lời trình bày của ông Bùi Văn T cũng trình bày thì trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, trong cuộc sống sinh hoạt gia đình thì có đôi khi nhậu với bạn bè nhưng không đến mức say xỉn và giữa vợ chồng cũng có xảy ra ghen tuông. Bản thân ông cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng tuy không còn, nhưng vì lý do tôn giáo và vì con nên ông không đồng ý ly hôn. Từ những trình bày của ông bà nhận thấy, đời sống của vợ chồng ông bà đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tin tưởng nhau. Ông bà đã được Tòa án mời để hòa giải nhưng ông T xin vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông bà đều xin vắng mặt, chứng tỏ ông bà không muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, HĐXX xét thấy chấp nhận cho bà Lê Thị Huê H ly hôn ông Bùi Văn T là phù hợp.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Huê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Huê H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huê H được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Huê H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0009407 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X T, h Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang